TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ II - MÔN: TIẾNG ANH – KHỐI 9**

**Tuần 2 - Tiết 1: Chuyên đề BECAUSE – BECAUSE OF**

**(Thời gian học: 30/3 – 04/4/2020)**

**\*\*\***

1. **MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nắm được công thức, cách biến đổi câu của Mệnh đề và Cụm từ chỉ lí do (Because/Because of).

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức đã học để luyện tập các dạng bài tập trắc nghiệm, sắp xếp câu và viết lại câu liên quan đến Mệnh đề và Cụm từ chỉ lí do.

1. **NỘI DUNG**

**I. Công thức**

 **1. Mệnh đề chỉ lý do:**

**Because / As / Since + S + V**

 **2. Cụm từ chỉ lý do**

**Because of + V-ing / Noun**

**II. Cách biến đổi**

1) **Trường hợp 1**: Because + **đại từ** + be + **tính từ** .

 → Because of + **tính từ sở hữu** + **danh từ**

***VD****: Because* ***she*** *is* ***lazy****, she can’t complete her homework.*

*🡪 Because of* ***her******laziness****, she can’t complete her homework.*

2) **Trường hợp 2**: Because + **danh từ** + be + **tính từ**

 → Because of + the + **tính từ** + **danh từ**

***VD****: Because the* ***weather*** *was* ***bad****, they couldn’t go picnic.*

*🡪 Because of the* ***bad******weather****, they couldn’t go picnic.*

3) **Trường hợp 3**: Because + S1 + **V** + O, S2...

 → Because of + **V-ing** + O (điều kiện: 2 chủ từ S1, S2 phải giống nhau)

***VD****: Because he* ***is*** *sick, he can’t do anything.*

*🡪 Because of* ***being*** *sick, he can’t do anything*

**III. BÀI TẬP**

**Bài 1. Trắc nghiệm**

1. He got wet\_\_\_\_\_\_\_ he forgot his umbrella.

 A. because of B. because C. but D. and

2. He stops working \_\_\_\_\_\_\_ heavy rain.

 A. in spite of B. although C. despite **D. because of**

3. They have a lot of difficulties in their life \_\_\_\_\_\_\_ their poverty.

 A. in spite of B. although C. because **D. because of**

4. Nobody could hear her\_\_\_\_\_\_\_ she spoke too quietly.

 A. although B. because **C. because of** D. in spite of

5. We decided to leave early \_\_\_\_\_\_\_the party was boring.

 A. although B. despite **C. because** D. because of

6. Many people don’t believe him\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ he often tells a lie.

 A. because B. in spite of C. although **D. because of**

7. \_\_\_\_\_\_\_her absence from class yesterday, she couldn’t understand the lesson.

 A. Although B. In spite of **C. Because of** D. Because

8. We all feel sad \_\_\_\_\_\_\_ the bad news

 A. because **B. because of** C. though D. despite

9. John lost his job\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ his laziness.

 **A. because of** B. because C. in spite of D. though

10. We can't go to Julia's party \_\_\_\_\_\_\_ we're going away that weekend.

 **A. because** B. because of C. although D. in spite of

**Bài 2: Viết lại câu**

1. Because Hoa was rich, she could buy that house.
=> Because of
2. Because the rain was so heavy, I couldn't go to school.
=> Because of

3. His father asked him to stay at home because he was sick.
=> Because of

4. Because there was an accident, I was late.
=> Because of

5. She failed the University entrance exam because her grades were bad.
=> Because of

**🖎DẶN DÒ:**

**- Học sinh làm bài, nộp cho giáo viên bộ môn (bằng Zalo, Messenger, email...) TRƯỚC 17h NGÀY 02/4/2020.**

**- Học sinh làm bài trên giấy, chụp hình chỉnh rõ nét rồi nộp file hình.**

**- Bài làm ghi rõ Họ tên, lớp, phải đánh số trang trước khi chụp – cố gắng nộp theo thứ tự trang. Các em cố gắng làm bài đầy đủ.**

***Chúc các em ôn tập tốt và nhớ giữ gìn sức khỏe!***

**\*Thông tin liên hệ của GV bộ môn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên GV** | **Zalo** | **Facebook/Messenger** | **Email** |
| Thầy Nhân | 0399137903 | Nguyễn Nhân | nhanntsgu@gmail.com |
| Cô Liên | 0979702178 | Lien Nguyen | liennguyen020178@gmail.com  |
| Cô Lan | 0357627585 | Lan Nguyen | nguyenlanav@gmail.com  |
| Cô Loan | 0767118020 | Thanh Loan | bachthingocthanhloan@gmail.com  |
| Cô Phương Anh | 0768636186 | Phương Anh | phuonganh23062004@yahoo.com  |
| Cô Mai | 0989035412 | Vũ Thị Phương Mai | maihanoi6160@gmail.com  |

TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG

**NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I - MÔN: TIẾNG ANH – KHỐI 9**

**Tuần 2 - Tiết 2: Câu điều kiện loại 1 – Tính từ/Trạng từ**

**(Thời gian học: 30/3 – 04/4/2020)**

**\*\*\***

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh nắm được công thức, cách biến đổi Câu điều kiện loại 1; phân biệt được Tính từ - Trạng từ và cách biến đổi câu tương ứng.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức đã học để luyện tập các dạng bài tập trắc nghiệm, sắp xếp câu và viết lại câu liên quan đến Câu điều kiện loại 1 và Tính từ/Trạng từ.

**B. NỘI DUNG**

**I. Câu điều kiện loại 1**

**1. Công thức**

**If + S + V (hiện tại), S + will/can + V (nguyên mẫu)**

 Trong mệnh đề điều kiện, **động từ (V)** chia ở **thì hiện tại**. Trong mệnh đề chính, **động từ (V)** chia ở **dạng nguyên mẫu**.

=> Nói cách khác, ở câu điều kiện loại 1, mệnh đề IF dùng thì **hiện tại đơn**. Mệnh đề chính dùng thì **tương lai đơn**.

**Ví dụ:**

*a. If I tell her everything, she will know how much I love her.* (Nếu tôi nói cho cô ấy tất cả mọi chuyện, cô ấy sẽ biết tôi yêu cô ấy nhiều như thế nào)

 => Trong mệnh đề điều kiện, động từ **tell** chia ở hiện tại, còn ở mệnh đề chính, động từ **know** chia ở dạng nguyên mẫu.

*b. If it rains, we will not go to the cinema.* (Nếu trời mưa chúng tôi sẽ không đi đến rạp chiếu phim nữa)

 => Trong mệnh đề điều kiện, động từ **rains** chia ở thì hiện tại, còn ở mệnh đề chính, động từ **go** được để ở dạng nguyên mẫu.

**\*Lưu ý:**

 ***1. as long as = provided that = providing that = If***

 ***2. Without + Ving/noun phrase = Unless + S + V + O = or = If … not***

**2. Cách biến đổi câu**

**\*Đối với câu có “and”**

**VD: Work** hard **and** he will pass his exam.

🡪 If he **works** hard, he will pass his exam. (mệnh đề IF giữ nguyên thể khẳng định)

**\*Đối với câu có “or”**

**VD: Drive** carefully **or** we will cause accidents.

🡪 If we **don’t drive** carefully, we will cause accidents. (mệnh đề IF đổi thành phủ định)

**II. Tính từ/Trạng từ**

 **a. Tính từ (adjective**) là từ được dùng để miêu tả tính chất, trạng thái của người, vật hoặc sự việc. Tính từ thường đứng sau hệ từ (be, look,  become, seem…) để bổ nghĩa cho chủ từ hoặc đứng trước danh từ để bổ nghĩa cho danh từ.

**VD**: Everybody was **happy**.
 He is a **good** soccer player.

 **b. Trạng từ (adverb)** là từ được dùng để diễn đạt cách thức, mức độ, thời gian, nơi chốn, v.v. Trạng từ được dùng để bổ nghĩa cho động từ, tính từ hoặc một trạng từ khác.

- **Trạng từ thể cách** mô tả cách sự việc xảy ra hoặc được làm.

 **VD**: She **slowly** open the door.

⇒ Trạng từ thể cách thường được thành lập bằng cách thêm **- ly** vào sau tính từ:

**VD**: **bad** → **badly**

  - Tính từ tận cùng bằng **-ful**, thêm**-ly**: **careful** → **carefully**
  - Tính từ tận cùng bằng phụ âm + **y**, đổi **y** thành **i** rồi thêm **-ly**:  **happy**  → **happily**
  - Tính từ tận cùng bằng **-ic**, thêm **-ally**: **basic** → **basically**
  - Tính từ tận cùng bằng phụ âm + **-le**, đổi **-le** thành **-ly**:  **terrible** → **terribly**

**\*Một số trường hợp đặc biệt:**

**good** (adj) → **well** (adv)
**late** (adj) → **late** (adv)

**fast** (adj) → **fast** (adv)

**hard** (adj) → **hard** (adv)
**early** (adj) → **early**

**• Lưu ý**: Tính từ bổ nghĩa cho chủ ngữ hoặc danh từ đứng sau nó; trạng từ bổ nghĩa cho động từ hoặc tính từ đứng sau nó.

**VD**: Jane is a **good** teacher. She teaches **well**.

**III. BÀI TẬP**

**Bài 1. Trắc nghiệm**

1. If you can give me one good reason for your acting like this, \_\_\_\_\_\_\_\_this incident again.

 A. I will never mention B. I never mention

 C. will I never mention D. I don’t mention

2. Unless you \_\_\_\_\_\_\_\_all of my questions, I can’t do anything to help you.

 A. answered B. answer C. would answer D. are answering

3. If someone \_\_\_\_\_\_\_\_in to the store,smile and say, “May I help you?”

 A. comes B. came C. would come D. could come

4. “Here’s my phone number”.

“Thanks. I‘ll give you a call if I \_\_\_\_\_\_\_\_some help tomorrow”.

 A. will need B. need C. would need D. needed

5. If it\_\_\_\_\_\_\_\_convenient, let’s go out for a drink tonight.

 A. be B. is C. was D. Were

6. Ba is a hard- working student and he works \_\_\_\_\_\_\_\_on all the subjects .

 A. hard B. slowly C. carelessly D. carefully

7. She can not sing \_\_\_\_\_\_\_\_but she can play the piano beautifully.

 A. good B. best C. goodly D. well

8. She came to school \_\_\_\_\_\_\_\_and had to stand outside for 15 minutes.

 A. late B. lately C. latest D. latter

9. Tuan writes more \_\_\_\_\_\_\_\_with fewer mistakes than the previous term.

 A. careless B. careful C. carefully D. carelessly

10. My father is happy because I get \_\_\_\_\_\_\_\_results at school.

 A. bad B. good C. intelligent D. well

**Bài 2: Viết lại câu**

1. Listen to the teacher carefully or you can’t understand the lesson.

🡪 If you

2. Bring along your raincoat and you won’t get wet.

🡪 Unless

3. Tom gets bad grades because he doesn’t prepare well enough for the exam.

🡪 If Tom

4. Today is Sunday, so we can spend more time watching TV.

🡪 If

5. People use dynamite for fishing so a lot of sea creatures will be died.

🡪 If people

**Bài 3: Điền tính từ hoặc trạng từ thích hợp:**

1. He’s always in a rush. I don’t understand why he walks so \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ **(quick/quickly).**

2. I prefer studying in the library. It’s always\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (**quiet/quietly).**

3. Michael \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (**happy/happily**) took the assistant job. He had been looking for a position all summer.

4. Marta dances \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (**beautiful/beautifully**). She’s been taking ballet since she was five years old.

5. They speak French very \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ (**good/well**). They lived in France for two years.

**🖎DẶN DÒ:**

**- Học sinh làm bài, nộp cho giáo viên bộ môn (bằng Zalo, Messenger, email...) TRƯỚC 17h NGÀY 02/4/2020.**

**- Học sinh làm bài trên giấy, chụp hình chỉnh rõ nét rồi nộp file hình.**

**- Bài làm ghi rõ Họ tên, lớp, phải đánh số trang trước khi chụp – cố gắng nộp theo thứ tự trang. Các em cố gắng làm bài đầy đủ.**

***Chúc các em ôn tập tốt và nhớ giữ gìn sức khỏe!***

**\*Thông tin liên hệ của GV bộ môn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ tên GV** | **Zalo** | **Facebook/Messenger** | **Email** |
| Thầy Nhân | 0399137903 | Nguyễn Nhân | nhanntsgu@gmail.com |
| Cô Liên | 0979702178 | Lien Nguyen | liennguyen020178@gmail.com  |
| Cô Lan | 0357627585 | Lan Nguyen | nguyenlanav@gmail.com  |
| Cô Loan | 0767118020 | Thanh Loan | bachthingocthanhloan@gmail.com  |
| Cô Phương Anh | 0768636186 | Phương Anh | phuonganh23062004@yahoo.com  |
| Cô Mai | 0989035412 | Vũ Thị Phương Mai | maihanoi6160@gmail.com  |